

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-5-2020.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Thắm.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/3/2020 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1958, địa chỉ:

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn, bị đơn đều trình bày: Chị H, anh C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vào ngày 23/2/2004 và chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không có sự cảm thông, chia sẻ trong cuộc sống thường ngày. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng tình cảm không được cải thiện, đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nay chị H, anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị H đề nghị ly hôn anh C nhưng anh C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh C xác định có hai con là Phạm Minh Q, sinh ngày 25/8/2004; Phạm Thùy A, sinh ngày 26/02/2011, hiện tại do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do hai con có nguyện vọng tiếp tục ở với anh C, nên chị H đề nghị giao cho anh C nuôi dưỡng. Anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Sơn là bố của chị H, đề nghị: Giải quyết cho chị H ly hôn anh C. Giao các cháu Q, A cho anh C nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Anh C giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị, xử chị H ly hôn anh C. Giao con chung là Phạm Minh Q, Phạm Thùy A cho anh C nuôi dưỡng; Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Trần Thanh H đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự, theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND thị trấn T vào năm 2004, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống các bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không có sự cảm thông, chia sẻ trong cuộc sống thường ngày và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại đoàn thể, UBND thị trấn T và người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, không còn khả năng

đoàn tụ mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị H cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xử, chị H ly hôn anh C, là đúng pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3]. Về con chung: Xác định chị H, anh C có hai con là Phạm Minh Q, sinh ngày 25/8/2004; Phạm Thùy A, sinh ngày 26/02/2011, hiện tại do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đương sự đều có quan điểm để anh C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, mặt khác nguyện vọng của cháu Q, cháu A đề nghị được tiếp tục ở với bố là anh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, nguyện vọng của cháu Q, cháu A cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao các cháu Q, A cho anh C nuôi dưỡng, là đúng quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế cuộc sống, tránh xáo trộn hoàn cảnh sống, tâm sinh lý, việc học tập của cháu Q, cháu A. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh C không yêu cầu và được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thanh H ly hôn anh Phạm Văn C.

- Về con chung: Giao con là Phạm Minh Q, sinh ngày 25/8/2004 và Phạm Thùy A, sinh ngày 26/02/2011 cho anh Phạm Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 5 năm 2020, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008998, ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Mạnh Tuấn